

Số: /NXKT-STNMT

Quảng Ngãi, ngày tháng 9 năm 2023

NHẬN XÉT

Đề án thăm dò khoáng sản đất làm VLSL bổ sung tại mỏ đất núi Đất, thôn Tú Sơn 2, xã Đức Lâm, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

Kính gửi: Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng Thương mại Hà Vân

Sở Tài nguyên và Môi trường nhận được hồ sơ và Đơn đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản đề ngày 02/8/2023 của Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng Thương mại Hà Vân, kèm theo 01 bộ hồ sơ và Đề án thăm dò khoáng sản đất làm VLSL bổ sung tại mỏ đất núi Đất, thôn Tú Sơn 2, xã Đức Lâm, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi (Sau đây gọi tắt là Đề án thăm dò) và các hồ sơ, tài liệu có liên quan. Sau khi xem xét nội dung Đề án; tổng hợp ý kiến góp ý của các chuyên gia: Kỹ sư Địa chất Nguyễn Tâm Hùng và Kỹ sư Địa chất Nguyễn Hữu Phúc, Sở Tài nguyên và Môi trường có một số ý kiến như sau:

I. PHẦN MỞ ĐẦU VÀ CÁC NỘI DUNG CÓ LIÊN QUAN:

1. Về cơ sở pháp lý thành lập Đề án

- Quyết định số 546/QĐ-UBND ngày 09/8/2017 của UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030.

- Quyết định số 539/QĐ-UBND ngày 07/9/2020 của UBND tỉnh phê duyệt khoanh định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với khoáng sản là đất đồi dùng làm vật liệu san lấp, phục vụ thi công xây dựng công trình, dự án trên địa bàn tỉnh

- Giấy phép khai thác khoáng sản số 31/GP-UBND ngày 17/6/2020 của UBND tỉnh cho Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng Thương mại Hà Vân khai thác tại mỏ đất núi Đất, thôn Tú Sơn 2, xã Đức Lâm, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

- Công văn số 723/UBND-KTN ngày 28/02/2023 của UBND tỉnh về việc thống nhất chủ trương lập hồ sơ, thủ tục điều chỉnh hạ cao trình kết thúc khai thác mỏ đất núi Đất, thôn Tú Sơn 2, xã Đức Lâm, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

- Hợp đồng tư vấn số 09/2023/HĐTV/HV-TC ngày 21/6/2023 giữa Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng Thương mại Hà và Công ty TNHH Khảo sát Thiết kế Xây dựng công trình TC về việc lập thủ tục hồ sơ xin hạ cao trình kết thúc khai thác mỏ đất núi Đất, thôn Tú Sơn 2, xã Đức Lâm, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Về hình thức, bố cục và nội dung của Đề án

- Về hình thức, bố cục và nội dung Đề án thăm dò là phù hợp với quy định tại Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; Trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

- Đề án thăm dò và các tài liệu kèm theo, gồm:

+ 01 Đề án thăm dò khoáng sản mỏ đất núi Đất, thôn Tú Sơn 2, xã Đức Lâm, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi theo đúng hướng dẫn tại Mẫu số 01 - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, trình tự đóng cửa mỏ khoáng sản; bản thuyết minh dày 40 trang đánh máy, gồm 07 Chương có đầy đủ phần Mở đầu, Kết luận và có 07 bản vẽ kèm theo Đề án.

3. Dự kiến khối lượng các công trình thăm dò; dự kiến chỉ tiêu tính trữ lượng; phương pháp khoan nổ và dự tính trữ lượng khoáng sản

a) Khối lượng công trình chủ yếu dự kiến thực hiện:

- Đo vẽ thành lập bản đồ địa hình tỷ lệ 1:1000, trên tổng diện tích 0,04933 km² (4,933 ha);

- Mua tài liệu mốc địa chính: 2 điểm;

- Công tác đo vẽ bản đồ địa chất tỷ lệ 1:1000, diện tích 0,04933 km²;

- Đo vẽ ĐCTV-ĐCCT 1:1000, diện tích 0,04933 km²;

- Thi công 03 lỗ khoan máy, với tổng khối lượng: 24,0 m;

- Công tác lấy, gia công, phân tích mẫu các loại: 04 mẫu.

b) Phương pháp dự tính trữ lượng khoáng sản:

- Hệ phương pháp kỹ thuật áp dụng và cùng mạng lưới thăm dò trong Đề án phù hợp với quy định.

- Thân khoáng đất làm vật liệu san lấp là sản phẩm phong hóa hoàn toàn từ đá gốc thuộc phức hệ Bà Nà ($G/K_2 bn_1$), có thành phần và đặc điểm phân bố đơn giản. Căn cứ vào hình dạng, kích thước, thể nằm và đặc điểm thân khoáng, các tác giả xếp nhóm mỏ I là hợp lý; mạng lưới công trình thăm dò như thiết kế để xác định trữ lượng cấp 122 là đảm bảo độ tin cậy.

- Với đặc điểm khoáng sản như trên, sử dụng phương pháp mặt cắt địa chất song song thẳng đứng để tính dự tính trữ lượng là hợp lý.

4. Độ tin cậy về trữ lượng, chất lượng và tính chất công nghệ của khoáng sản sử dụng

a) Độ tin cậy về trữ lượng:

- Với đặc điểm khoáng sản như trên, sử dụng phương pháp khối địa chất để tính trữ lượng là hợp lý; mục tiêu trữ lượng 59.000 m³ đất san lấp là có thể đạt được.

b) Chất lượng và tính chất công nghệ của khoáng sản:

Theo Đề án thăm dò, công tác nghiên cứu chất lượng và tính chất công nghệ của quặng; công tác lấy, gia công, phân tích mẫu là 04 mẫu để phân tích, xác định thành phần thạch học, khoáng vật; tính chất cơ lý và thành phần hóa học về cơ bản phù hợp các điều kiện để sử dụng làm VLSL.

5. Phần bản vẽ kèm theo:

Các bản vẽ được lập cơ bản phù hợp với quy định tại Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

6. Phần kết luận của Đề án

Các nội dung trong Kết luận của Đề án thăm dò khoáng sản mỏ đất núi Đất, thôn Tú Sơn 2, xã Đức Lân, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi tương đối đầy đủ, đúng theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT.

II. NHỮNG NỘI DUNG CẦN XEM XÉT CHỈNH SỬA, BỔ SUNG :

1. Bản thuyết minh:

- Tên Đề án nên thống nhất là “*Đề án thăm dò khoáng sản đất làm vật liệu san lấp bổ sung tại mỏ đất núi Đất, thôn Tú Sơn 2, xã Đức Lân, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi*”.

- Tại “*Mục 1. Những căn cứ pháp lý để lập Đề án và đối tượng khoáng sản*” của phần Mở đầu: Bổ sung Giấy phép khoáng sản số 31/GP-UBND ngày 17/6/2020 và Quyết định 251/QĐ-UBND ngày 16/4/2021 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Phụ lục 3 của Giấy phép khai thác khoáng sản số 31/GP-UBND ngày 17/06/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi; bổ sung Công văn số 5931/UBND-KTN ngày 21/11/2022 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung các mỏ khoáng sản làm VLXD thông thường trên địa bàn tỉnh để chuẩn bị cho thi công dự án cao tốc Quảng Ngãi – Hoài Nhơn; bỏ “*Quyết định số 820/QĐ-UBND ngày 27/07/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030*” vì mỏ đất núi Đất, thôn Tú Sơn không liên quan đến Quyết định này mà đã được đưa vào Quy hoạch theo Quyết định số 546/QĐ-UBND ngày 09/8/2017 của UBND tỉnh về “*Phê duyệt Quy hoạch,...*”;;

- *Chương 1. Khái quát về khu thăm dò*

+ Tại tiêu mục “*a. Địa hình*” cần kiểm tra lại nội dung “*khu vực thăm dò có cao độ thấp nhất +22,4m và lớn nhất +60,9m*” là chưa chính xác, mà đúng có thể là (*thấp nhất +20,47 m phía Tây Nam và cao nhất 58,31m gần tuyến T3*) cần kiểm tra lại.

+ Tại mục “1.3.2 Các kết quả nghiên cứu, điều tra, thăm dò khoáng sản liên quan đến diện tích lựa chọn thăm dò khoáng sản” bổ sung “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đất làm vật liệu san lấp tại núi Đất, thôn Tú Sơn 2, xã Đức Lân, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi” đã được phê duyệt trữ lượng trước khi cấp Giấy phép khai thác số 31/GP-UBND ngày 17/6/2020.

+ Tại mục “1.4. Đánh giá hiệu quả các phương pháp, chất lượng tài liệu và khả năng sử dụng tài liệu địa chất đã có cho công tác thăm dò” nên đánh giá theo hướng:

Kết quả thăm dò, khai thác đất đồi làm vật liệu san lấp trên địa bàn huyện Mộ Đức và các vùng lân cận cho thấy các sản phẩm phong hóa từ các đá granit sáng màu phức hệ Bà Nà (G/K₂bn₁) có từ trước là cơ sở tài liệu cho việc thăm dò khai thác đất đồi làm vật liệu san lấp khu vực.

Phương pháp thu thập tài liệu địa chất và kết quả khảo sát hiện trạng nhìn chung đã đủ cơ sở để đánh giá sơ bộ về đặc điểm địa chất, diện phân bố và quy mô thân khoáng, đặc điểm chất lượng, mức độ ảnh hưởng của các yếu tố về điều kiện giao thông, dân cư trong khu vực.

Về chất lượng tài liệu địa chất đã có, đây là các tài liệu chính thống được các cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước phê duyệt và công bố. Việc sử dụng các tài liệu địa chất đã có này để phục vụ việc lập Đề án là hoàn toàn phù hợp và đảm bảo độ tin cậy.

- Chương 2. Đặc điểm địa chất, khoáng sản

+ Tại mục “2.1. Đặc điểm địa chất vùng” cần mô tả địa tầng, magma ngắn gọn, cô đọng, không trình bày dài dòng theo tài liệu có trước mà chủ yếu mô tả trong phạm vi tờ bản đồ địa chất vùng của Đề án.

+ Tại mục “2.3.1. Các tiền đề, dấu hiệu có liên quan đến đối tượng khoáng sản thăm dò” cần trình bày rõ tiền đề liên quan đến đối tượng khoáng sản thăm dò là tiền đề địa mạo; dấu hiệu là tầng đất san lấp lộ ra tại các vách, taluy bị sạt lở, các thềm khe suối tạm, các moong đang khai thác đất san lấp,... sản phẩm phong hóa của đá gốc. Mức độ phong hóa phụ thuộc vào độ dốc, bề mặt địa hình.

- Chương 3. Phương pháp, khối lượng

+ Tại tiêu mục “3.1.1. Các quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật áp dụng với đối tượng khoáng sản thăm dò” bỏ “Quyết định số 06/2006/QĐ-BTNMT ngày 07/6/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản rắn” vì đã hết hiệu lực và được thay thế bởi “Thông tư số 60/2017/TT-BTNMT ngày 08/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản rắn”

+ Tại mục “3.2.1.2. Tài liệu sử dụng, thiết bị phục vụ công tác trắc địa”

Sửa nội dung Bản đồ địa chính của xã Đức Chánh lại thành xã Đức Lân, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Chương 5. Dự tính trữ lượng*

+ Tại mục “5.4. Xác định các thông số tính trữ lượng” nên bỏ các thông số như “*Trung bình độ ẩm tối ưu, khối lượng thể tích khô lớn nhất*”, vì chỉ lấy có 01 mẫu đầm nện thì không thể áp dụng các công thức này; hoặc tăng khối lượng mẫu đầm nện lên.

+ Tại mục “5.5. Dự tính trữ lượng, các cấp dự kiến đạt được trong diện tích thăm dò” kiểm tra lại kết quả dự tính trữ lượng tại Bảng 6. Tổng trữ lượng cấp 122 là 59.000 m³ chứ không phải là 54.588,5m³; trên hiện trạng không có khối lượng bóc tầng phủ nên không trừ khối lượng bóc tầng phủ; yêu cầu đơn vị tính toán lại khối lượng cho đúng thực tế.

- *Chương 7. Dự toán kinh phí*

- Bổ sung chi phí giám sát thi công Đề án

* Tồn tại chung: Thuyết minh Đề án còn tồn tại một số lỗi chính tả, lỗi biên tập,.... cần kiểm tra, rà soát, chỉnh sửa.

2. Đối với bản vẽ kèm theo Đề án

- Bản vẽ số 01: Sơ đồ vị trí giao thông, tỷ lệ 1:100.000, cần phân biệt Biên Đông và đất liền (bỏ màu xanh ở đất liền); thay chữ vị trí khảo sát, khu vực khảo sát thành diện tích thăm dò trên bản vẽ và chỉ dẫn; bổ sung tọa độ góc khung bản vẽ.

- Bản vẽ số 02: Sơ đồ lịch sử nghiên cứu, tỷ lệ 1:25.000, biên tập lại đường ranh giới hành chính cho thống nhất (lục nét), bổ sung tọa độ góc khung bản vẽ, biên tập lại cỡ chữ, font chữ trên bản vẽ và cả tiêu đề (kích thước chữ chưa phù hợp với tỷ lệ).

- Bản vẽ số 03. Sơ đồ địa chất khu vực, tỷ lệ 1:10.000, tiêu đề bản vẽ sửa lại là “*Bản đồ địa chất vùng*”; bổ sung tọa độ địa lý góc khung bản vẽ; biên tập lại mặt cắt địa chất theo đường AB (ranh giới địa chất và nền địa chất trên mặt cắt không trùng nhau); bổ sung ký hiệu thạch học lên mặt cắt; Ký hiệu đường đồng mức trên chỉ dẫn không giống trên bản vẽ; ranh giới khu vực khảo sát và các điểm góc nên sửa lại là ranh giới diện tích thăm dò và phải thống nhất trên bản vẽ; trên bản vẽ ba điểm M3A, M4A và M5A có hai lớp chồng lên nhau (bỏ bớt 1 lớp); cột địa tầng thành lập sai (Giới KAINOZOI trong khu vực chỉ có Hệ Đệ Tứ; Hệ Đệ Tứ bao gồm thống Holocen (Q₂) và Pleitocen (Q₁) Ranh giới giữa địa tầng và magma là ranh giới bất chỉnh hợp, đề nghị sửa lại cột địa tầng cho đúng.

- Bản vẽ số 04: Bản đồ địa chất khu mỏ, đề nghị sửa tên bản đồ này lại là “*Bản đồ địa chất khoáng sản khu vực thăm dò*”; bổ sung tọa độ góc khung bản vẽ; màu đường đồng mức chưa đúng quy định; bổ sung mặt cắt qua diện tích thăm dò.

- Bản vẽ số 05. Bản đồ tài liệu thực tế địa chất, đề nghị đổi tên bản vẽ này thành “*Sơ đồ bố trí công trình và lấy mẫu dự kiến*”; bổ sung các điểm góc vào bản vẽ; chỉnh sửa ký hiệu điểm khảo sát địa chất, ký hiệu lỗ khoan cho đúng trang 48, Phụ lục số 9. Hệ thống các ký hiệu địa chất, khoáng sản của QCVN 49:1012/BTNMT (kèm Thông tư số 23/2012/TT-BTNMT ngày 28/12/2012).

- Bản vẽ số 06. Mặt cắt địa chất thiết kế công trình thăm dò, bổ sung đường ranh giới dưới tính trữ lượng tối đa đến cote +22 m lên các mặt cắt; xem xét bổ sung 01 lỗ khoan vào khối K1-122 để có cơ sở dự tính trữ lượng.

- Bản vẽ số 07. Bình đồ dự kiến phân khối tính trữ lượng địa chất, tỷ lệ 1:1000, nên đổi tên bản vẽ này thành “*Bình đồ phân khối dự kiến tính trữ lượng khoáng sản*”; sửa các ký hiệu điểm khảo sát địa chất, ký hiệu lỗ khoan giống bản vẽ số 05.

- Bổ sung bản vẽ “*Sơ đồ lưới khống chế mặt phẳng và độ cao*”

* Nội dung các bản vẽ đề nghị nên thành lập đầy đủ theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 và hình thức bản vẽ biên tập và trình bày theo Thông tư số 12/2013/TT-BTNMT ngày 05/06/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

III. KẾT LUẬN

Về cơ bản Đề án “*Thăm dò khoáng sản đất làm vật liệu san lấp bổ sung tại mỏ đất núi Đất, thôn Tú Sơn 2, xã Đức Lân, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi*” được thành lập với đầy đủ căn cứ pháp lý và cơ sở tài liệu. Hệ phương pháp kỹ thuật, khối lượng phù hợp quy định. Hệ thống tài liệu của Đề án cơ bản đáp ứng yêu cầu của một đề án thăm dò vật liệu san lấp.

Tuy nhiên, Đề án vẫn còn một số nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung như đã nêu trên; yêu cầu đơn vị chỉnh sửa, bổ sung để Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, thẩm định, trình UBND tỉnh xem xét, cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản theo đúng quy định.

Đề nghị đơn vị triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD Sở TN và MT;
- Lưu: VT, KS-TNN_(np282).

Q. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đức Trung